TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ BẢY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 44/2019/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 13 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 67/2019/TLST/HNGĐ ngày 26/4/2019 giữa:

Nguyên đơn: Lưu Minh T, sinh năm: 1981.

Trú tại: Ấp A, xã H, thị xã N, tỉnh B.

Bị đơn: Lê Thị Ngọc V, sinh năm: 1986.

Trú tại: Ấp C, xã L, huyện P, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Lưu Minh T, sinh năm: 1981.

Trú tại: Ấp A, xã H, thị xã N, tỉnh B.

Bị đơn: Lê Thị Ngọc V, sinh năm: 1986.

Trú tại: Ấp C, xã L, huyện P, tỉnh B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Minh T và chị Lê Thị Ngọc V thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên: Lưu Ngọc Q (giới tính: Nữ), sinh ngày 06/4/2005. Anh T và chị V thỏa thuận giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Ngoài ra, cháu Q có nguyện vọng sống với cha nên anh T được quyền nuôi cháu Q cho đến khi trưởng thành.

Anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung nên chị V chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Lê Thị Ngọc V không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng); bị đơn phải chịu tiền án phí là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng). Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ án phí số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Nguyên đơn được khấu trừ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số 0019161 ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Hậu Giang. Do đó, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự ;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THA DS thị xã N;
- UBND xã H;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Kim Cương